

Bản án số: 148/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11- 2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thạch Út

2/ Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2023/TLST- HNGĐ ngày 3 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị D**, sinh năm: 1972 (**Có đơn xin vắng mặt**)

Nơi cư trú: tổ 18, ấp Thạnh Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1968 (**Vắng mặt**)

Nơi cư trú: **tổ A, ấp T, xã B, huyện C, An Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 28/8/2023, nguyên đơn bà **võ Thị DI** trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Nguyễn Văn N** qua tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống như vợ chồng kể từ năm 1995, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài thêm nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn n**.

-Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1996. Hiện đã trưởng thành

-Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà D1. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông N tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ A, ấp T, xã B, huyện C, An Giang, nhưng ông N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị D, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N. Về con chung: đã trưởng thành, Về tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị D là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị D và ông Nguyễn Văn N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 1995, tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo đơn xin xác nhận ngày 28/8/2023 thì theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của bà D và ông N. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông N đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà D và ông N đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà D và ông N không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghị nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị D và ông Nguyễn Văn N là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1996. Hiện đã trưởng thành

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Bà Võ Thị D trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về án phí: Do yêu cầu của bà **Võ Thị D** được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **Võ Thị D**. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Võ Thị D** và ông **Nguyễn Văn N**.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là **Nguyễn Thị Cẩm G**, sinh năm: 1996. Hiện đã trưởng thành

3. Về tài sản và nợ chung: Bà **Võ Thị D** trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Võ Thị D** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004453 ngày 3/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Về kháng cáo: Bà **Võ Thị D** và ông **Nguyễn Văn N** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung